

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TRUNG CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 354/UBND-KT

Trung Chính, ngày 15 tháng 04 năm 2026

V/v báo cáo thống kê Môi trường
thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê
ngành nông nghiệp và môi trường

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Ninh

Thực hiện Văn bản số 2210/SNNMT-QLMT ngày 25/3/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Ninh về việc thực hiện chế độ báo cáo thống kê Môi trường thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh.

Sau khi rà soát, trên địa bàn, UBND xã Trung Chính báo cáo thống kê Môi trường thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành nông nghiệp và môi trường trên địa bàn xã (gồm các biểu số 25-N/STNMT, số 26-N/STNMT, số 27-N/STNMT, số 37-N/STNMT, số 38-N/STNMT, số 39-N/STNMT, số 40-N/STNM, số 41-N/STNMT theo danh sách biểu mẫu báo cáo chi tiết tại Phụ lục kèm theo Công văn số 501/MT-QTMB).

Vậy, UBND xã Trung Chính đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Ninh tổng hợp, báo cáo theo quy định. /.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- CT, các PCT UBND xã ;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Đềm

PHỤ LỤC

Biểu số: 25-N/STNMT
Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2023/TT-
BTNMT ngày 15/12/2023
Ngày nhận báo cáo: Ngày 15/02 năm sau

TỶ LỆ CƠ SỞ, HỘ GIA ĐÌNH SẢN XUẤT THUỘC NGÀNH,
NGHỀ KHÔNG KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN TẠI LÀNG
NGHỀ ĐƯỢC DI DỜI, CHUYỂN ĐỔI NGÀNH, NGHỀ SẢN
XUẤT THEO QUY ĐỊNH
Năm 2025

Đơn vị báo cáo: Sở Nông nghiệp
và Môi trường tỉnh, thành phố
Đơn vị nhận báo cáo: Cục Môi
trường

STT	Đơn vị hành chính	Mã số	Tổng số cơ sở, hộ gia đình sản xuất thuộc ngành, nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề di dời, chuyển đổi ngành, nghề sản xuất (cơ sở)	Tổng số cơ sở, hộ gia đình sản xuất thuộc ngành, nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề đã thực hiện di dời, chuyển đổi ngành, nghề sản xuất (cơ sở)	Tỷ lệ cơ sở, hộ gia đình sản xuất thuộc ngành, nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề được di dời, chuyển đổi ngành, nghề sản xuất theo quy định (%)
A	B	C	1	2	3
	Tổng số				
1	Xã Trung Chính		0	0	0

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra
(Ký, họ tên)

Ngày 29 tháng 3 năm 2026
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Phạm Văn Phương

Biểu số: 26-N/STNMT

Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BTNMT ngày / 2023 của Bộ trưởng Bộ TN&MT

Ngày nhận báo cáo: Ngày 15/02 năm sau

TỶ LỆ CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH, DỊCH VỤ ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG THEO TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 14001 HOẶC TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ ISO 14001

Năm 2025

Đơn vị báo cáo: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố...
Đơn vị nhận báo cáo: Cục Môi trường

STT	Đơn vị hành chính	Mã số	Tổng số cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động đối trọng cấp chứng nhận quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO 14001 (cơ sở)	Tổng số cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động được cấp chứng nhận quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO 14001 (cơ sở)	Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được cấp chứng nhận quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO 14001 (%)
A	B	C	1	2	3
	Tổng số				
1	Xã Trung Chính		0	0	0

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra
(Ký, họ tên)

Ngày 29 tháng 3 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Phạm Văn Phương

Biểu số: 37-N/STNMT

Ban hành kèm theo Thông tư số

22/2023/TT-BTNMT ngày 15/12/2023

Ngày nhận báo cáo: Ngày 15/02 năm sau

**TỶ LỆ SỐ KHU VỰC Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG ĐẤT
ĐƯỢC XỬ LÝ, CẢI TẠO VÀ PHỤC HỒI THEO QUY ĐỊNH**

Năm 2025

Đơn vị báo cáo: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố...

Đơn vị nhận báo cáo: Cục Môi trường

STT	Đơn vị hành chính	Mã số	Tổng số khu vực ô nhiễm môi trường đất được phát hiện (điểm)					Tổng số khu vực ô nhiễm môi trường đất được xử lý, cải tạo và phục hồi theo quy định (điểm)			Tỷ lệ số khu vực ô nhiễm môi trường đất được xử lý, cải tạo và phục hồi theo quy định (%)
			Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Khu vực khai thác khoáng sản độc hại đã kết thúc hoạt động, khu vực đất thuộc dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất, kho chứa hóa chất, kho chứa thuốc bảo vệ thực vật được xác định bị ô nhiễm tồn lưu	Khu vực đất canh tác bị ô nhiễm do hóa chất, hóa chất bảo vệ thực vật; khu vực bị nhiễm chất độc hóa học do chiến tranh	Khu vực khai thác khoáng sản độc hại đã kết thúc hoạt động, khu vực đất thuộc dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất, kho chứa hóa chất, kho chứa thuốc bảo vệ thực vật được xác định bị ô nhiễm tồn lưu	
A	B	C	1	2		3	4				5
Tổng số											
1	Xã Trung Chính		0	0	0	0	0	0	0	0	0
										

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

Ngày 29 tháng 3 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Phạm Văn Phương

Biểu số: 39-N/STNMT

Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2023/TT-BTNMT ngày 15/12/2023 của Bộ trưởng Bộ TN&MT

Ngày nhận báo cáo: Ngày 15/02 năm sau

TỶ LỆ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT ĐƯỢC XỬ LÝ BẰNG PHƯƠNG PHÁP CHÔN LẤP TRỰC TIẾP

Năm 2025

Đơn vị báo cáo: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố...
Đơn vị nhận báo cáo: Cục Môi trường

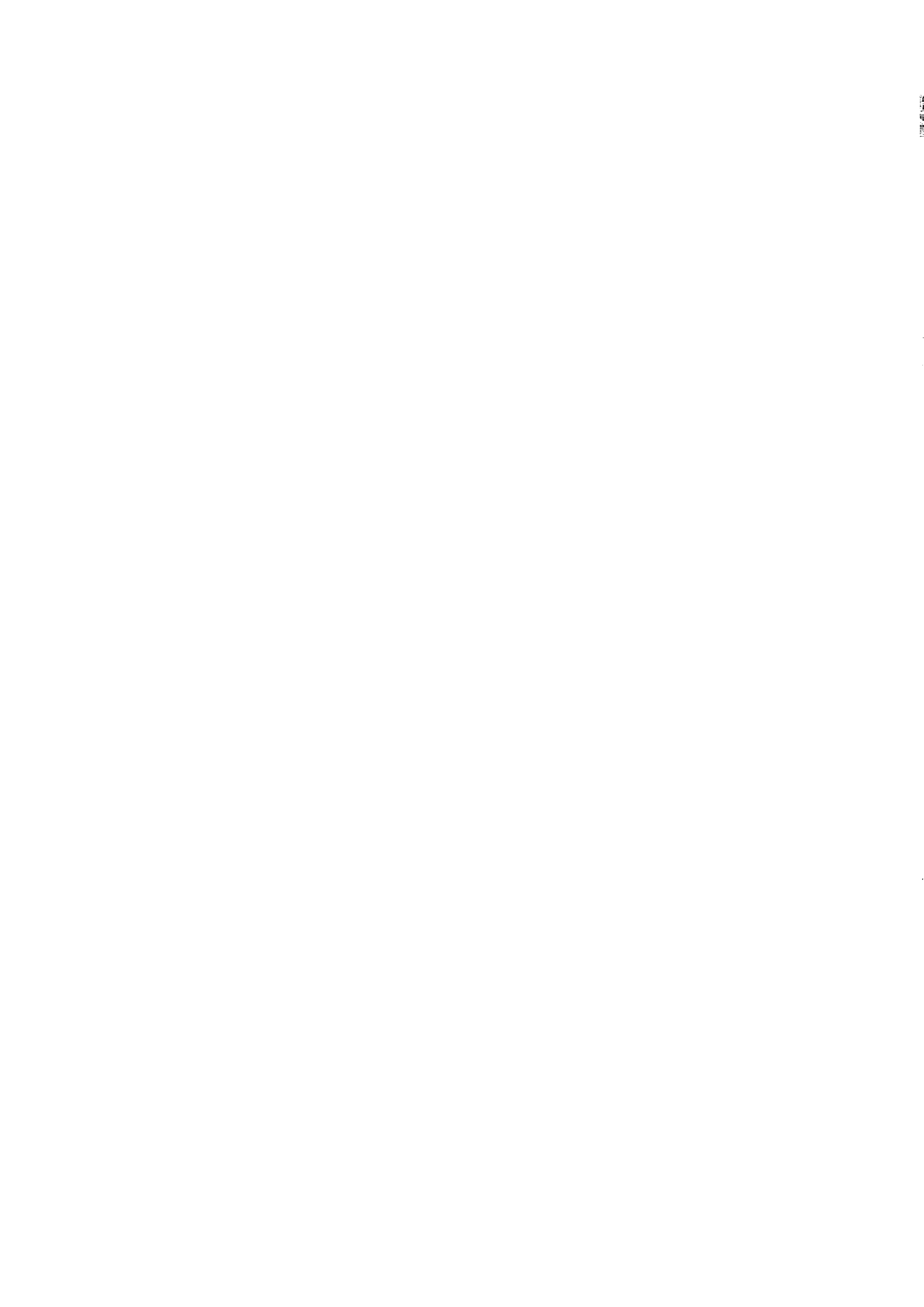
STT	Đơn vị hành chính	Mã số	Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh (tấn)		Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp (tấn)		Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp (%)		
			Tổng số	Trong đó		Tổng số		Trong đó	
				Đô thị	Nông thôn			Đô thị	Nông thôn
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7
	Tổng số								
1	Xã Trung Chính		0		0	0		0	0
								

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

Ngày 29 tháng 3 năm 2026
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Phạm Văn Phương



Biểu số: 40-N/STNMT

Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2023/TT-BTNMT ngày 15/12/2023

Ngày nhận báo cáo: Ngày 15/2 năm sau

TỶ LỆ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT ĐƯỢC TÁI CHẾ, TÁI SỬ DỤNG; ĐỐT; ĐỐT THU HỒI NĂNG LƯỢNG

Năm 2025

Đơn vị báo cáo: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh, thành phố...
Đơn vị nhận báo cáo: Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường

STT	Đơn vị hành chính	Mã số	Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được xử lý (tấn)	Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được tái chế, tái sử dụng, thu hồi năng lượng (tấn)			Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được tái chế, tái sử dụng; đốt; đốt thu hồi năng lượng (%)	
				Tổng số	Tái chế, tái sử dụng	Đốt		Đốt thu hồi năng lượng
A	B	C	1	2	3	4	5	6
	Tổng số							
1	Xã Trung Chính		5.210	5.210	0	0	5.210	100

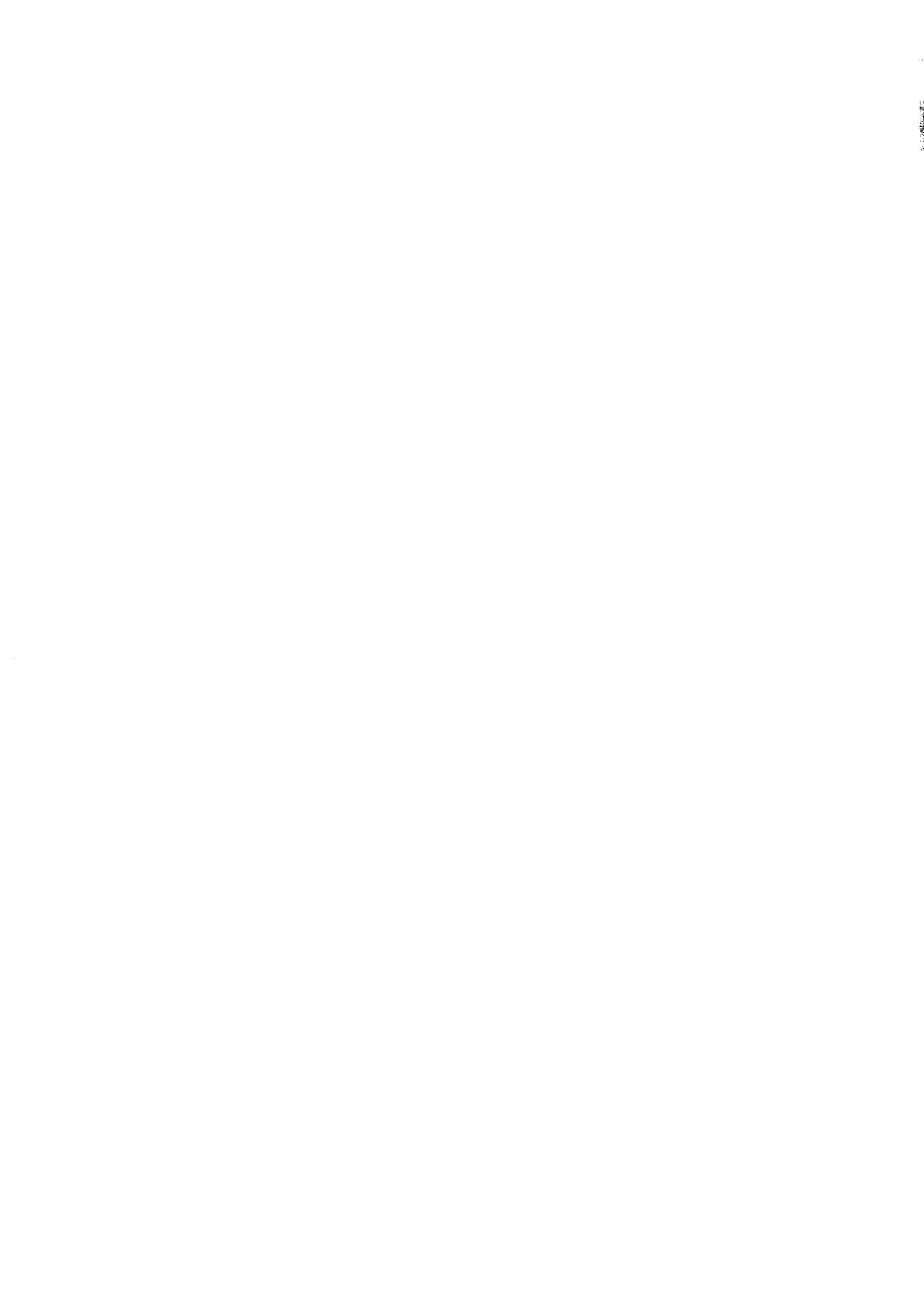
Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

Ngày 29 tháng 3 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Phạm Văn Phương



Biểu số: 41-N/STNMT
Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2023/TT-
BTNMT ngày 15/12/2023
Ngày nhận báo cáo: Ngày 15/2 năm sau

**TỶ LỆ CHẤT THẢI NGUY HẠI ĐƯỢC
THU GOM, XỬ LÝ
Năm 2025**

Đơn vị báo cáo: Sở Nông nghiệp
và Môi trường tỉnh, thành phố...
Đơn vị nhận báo cáo: Cục Môi trường

STT	Đơn vị hành chính	Mã số	Tổng lượng chất thải nguy hại phát sinh (tấn)				Tổng lượng chất thải nguy hại được thu gom, xử lý (tấn)				Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý (%)		
			Tổng	Trong đó:			Tổng	Trong đó:					
				Chất thải công nghiệp	Chất thải y tế	Chất thải nông nghiệp		Chất thải nguy hại khác	Chất thải công nghiệp	Chất thải y tế		Chất thải nông nghiệp	Chất thải nguy hại khác
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	Xã Trung Chính		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

Ngày 29 tháng 3 năm 2026
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Phạm Văn Phương

